Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 05.01.2021 16:23:17 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /UBND-KTTC V/v: danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng ưu tiên cung cấp điện năm 2021	*Tây Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2021*

Kính gửi: Sở Công Thương.

UBND tỉnh nhận được Công văn số: 3177/SCT-QLCNNL ngày 24/12/2020 của Sở Công Thương, về việc phê duyệt danh sách khách hàng quan trọng ưu tiên cung cấp điện năm 2021 (gửi kèm theo).

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

- Thống nhất với danh sách khách hàng quan trọng ưu tiên cung cấp điện năm 2021 theo đề xuất của Sở Công Thương tại Công văn số: 3177/SCT-QLCNNL ngày 24/12/2020.

- Giao Sở Công Thương phối hợp với Công ty Điện lực Tây Ninh, các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo cung cấp điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Đề nghị Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo nội dung văn bản này./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như trên;
- Công ty Điện lực Tây Ninh;
- UBND các huyện, thị xã,thành phố.
- LĐVP,CVKTTC;
- Lưu VT;

(KTN_Ha 28 - Phê duyệt danh sach _ tháng 12/2020 -Công Thương)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH
VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 2783
Ngày: 24/12/20
Chuyển:

Số: 3117/SCT-QLCNNL
V/v đề nghị phê duyệt danh sách khách hàng quan trọng ưu tiên cung cấp điện năm 2021

Tây Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông tư số 22/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 09 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện. Để chủ động trong công tác điều hành cung cấp điện, hạn chế thấp nhất việc ngừng, giảm mức cung cấp điện gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội và đời sống của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh khi xảy ra tình trạng thiếu nguồn điện. Sở Công Thương đã phối hợp với Công ty Điện lực Tây Ninh rà soát, tổng hợp và lập danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng ưu tiên cung cấp điện năm 2021 với các tiêu chí như sau:

A. Mức ưu tiên đặc biệt: đảm bảo cấp điện liên tục ngoại trừ trường hợp sự cố bất khả kháng trên lưới điện hoặc khi rã lưới điện quốc gia; gồm các đơn vị trọng yếu của tỉnh như cơ quan chính quyền, công an, quân đội, y tế, ngân hàng …

B. Mức ưu tiên khác: việc cấp điện phụ thuộc vào lượng công suất hoặc sản lượng được phân bổ từ Điều độ lưới điện Quốc gia và Tổng Công ty Điện lực miền Nam.

1. Mức ưu tiên 1: cấp điện liên tục ngoại trừ trường hợp sự cố bất khả kháng trên lưới điện hoặc khi lưới điện thiếu nguồn, thiếu sản lượng trầm trọng và có yêu cầu cắt điện của Điều độ Quốc gia hoặc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.

2. Mức ưu tiên 2: việc cấp điện phụ thuộc vào lượng công suất hoặc sản lượng được phân bổ từ Điều độ lưới điện Quốc gia và Tổng Công ty Điện lực miền Nam hoặc sẽ tự động sa thải phụ tải khi tần số lưới điện bị sụt giảm dưới định mức (<50Hz) tùy thuộc vào mức độ thiếu công suất.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức trọng yếu trên địa bàn tỉnh theo danh sách khách hàng quan trọng ưu tiên cung cấp điện năm 2021 gửi kèm theo.

Ngoài ra, đối với các khu vực có tổ chức các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng như các ngày Lễ, Tết, các kỳ thi tốt nghiệp, … sẽ thực hiện ưu tiên cấp điện.

Đối với các khách hàng thắp sáng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, ... sẽ cắt tiết giảm điện luân phiên nhằm bảo đảm theo đúng sản lượng điện phân bổ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam.

Sở Công Thương kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu : VT, P.QLCNNL, Phong 02.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH TÂY NINH

Lê Anh Tuấn

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN QUAN TRỌNG ƯU TIÊN CUNG CẤP ĐIỆN NĂM 2021

(Đính kèm văn bản số /PCTN-KD, ngày /12/2020)

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*
Toàn tỉnh			**15.782,4**	**9.513,9**	**4.592,2**			
A. Mức ưu tiên đặc biệt: Đảm bảo cấp điện liên tục ngoại trừ trường hợp sự cố bất khả kháng trên lưới điện hoặc khi rã lưới điện quốc gia			**3.745,0**	**3.077,0**	**1.113,0**			
1	Văn Phòng Tỉnh Ủy Tây Ninh	Số 180 Đường 30/4, P.2, Thành phố TN	800,0	400,0	100,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
2	Văn Phòng Hội Đồng Nhân Dân Tỉnh Tâ	đường CMT8 phường 2, TPTN Trụ trạm 80/2/1	20,0	6,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
3	UBND Tỉnh Tây Ninh	C300, CMT8, P2, Thành phố TN	115,0	70,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
4	Đoàn đại biểu Quốc hội Tây Ninh	CMT8, P2, Thành phố TN	10,0	5,0	2,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
5	Đài Phát thanh Truyền hình TN	Số 188 Đường 30/4, P3, Thành phố TN	300,0	300,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
6	BCH Quân sự tỉnh Tây Ninh	Đường CMT8, P1, Thành phố TN	80,0	30,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
7	BCH Biên phòng tỉnh Tây Ninh	Số 341 Đường CMT8, P3, Thành phố TN	150,0	150,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
8	Công an tỉnh Tây Ninh	Số 312 Đường CMT8, P3, Thành phố TN	150,0	50,0	20,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
9	Quân y viện Tây Ninh	Đường Nguyễn Hữu Thọ, P3, Thành phố TN	300,0	300,0	80,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
0	Bệnh Viện y học cổ truyền Tây Ninh	Đường Nguyễn Hữu Thọ, P Hiệp Ninh, Thành phố TN	80,0	80,0	36,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
1	Bệnh viện đa khoa Tây Ninh	Số 288 Đường 30/4, P3, Thành phố TN	1.600,0	1.600,0	800,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
2	Tòa soạn Báo Tây Ninh	221 Đại Lộ 30/4 Phường 3, TPTN Trụ 10/1	20,0	6,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
3	Ngân hàng nhà nước Tây Ninh	Đường Trần Hưng Đạo, Thành phố TN	50,0	30,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
4	Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Tâ	ĐL.30/4 khu phố 1, phường 3, Thành Phố TN trụ	70,0	50,0	20,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
	Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng		**42,0**	**36,0**	**17,0**			
15	- Xả lũ cống chính	Ấp B2, xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, TN, T 480	3	2	3	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 475TĐ	
16	- Xả lũ kênh Đông	Ấp B2, xã Phước Minh, huyện DMC, TN, T 492	38	33	13	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 475TĐ	
17	- Xả lũ kênh Tây	Ấp Phước Hội, xã Phước Ninh, huyện DMC, TN, T 345/1	1	1	1	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 475TĐ	
B. Mức ưu tiên khác: Việc cấp điện phụ thuộc vào lượng công suất hoặc sản lượng được phân bổ từ Điều độ lưới điện Quốc gia và Tổng Công ty ĐLMN.			**12.037,4**	**6.436,9**	**3.479,2**			
I	**Mức ưu tiên 1:** Cấp điện liên tục ngoại trừ trường hợp sự cố bất khả kháng hoặc khi lưới điện thiếu nguồn hoặc thiếu sản lượng trầm trọng và có yêu cầu cắt điện của Điều độ Quốc gia hoặc Tổng Công ty ĐLMN		**4.425,0**	**2.156,0**	**720,0**			
1	Ban Tổ chức Tỉnh Ủy Tây Ninh	Đường Lê Lợi, KP2, Phường 2, Thành phố TN	180,0	180,0	80,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
2	Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy TN	đường Lê Lợi Khu phố 3, phường 2 TPTN	80,0	60,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
3	Ủy Ban Mặt Trận Tỉnh Tây Ninh	Nguyễn Thái Học khu phố 3, Phường 3, TPTN	80,0	60,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
4	Ban Dân vận Tỉnh Ủy Tây Ninh	Đường Lê Lợi, KP4, Phường 2, Thành phố TN	20,0	8,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
5	Ủy Ban Kiểm Tra	đường Lê Lợi Khu phố 3, phường 2 TPTN	80,0	40,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
6	Ban Nội Chính	đường Lê Lợi Khu phố 3, phường 2, TPTN	60,0	30,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
7	Thanh Tra Công An Tỉnh Tây Ninh	Đường CMT8 Khu Phố 1, Phường 3, TPTN	10,0	10	5	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
8	Thanh tra tỉnh Tây Ninh	Số 16A4 - CMT8, P1, Thành phố TN	100,0	80,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
9	Cục thuế Tây Ninh	Số 226 Đường 30/4, P3, Thành phố TN	380,0	50,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
10	Cục Hải quan Tây Ninh	Số 622 Đường 30/4, P1, Thành phố TN	30,0	8,0	3,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
11	Sở Công Thương Tây Ninh	Số 304 Đường CMT8, P2, Thành phố TN	22,0	12,0	3,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
12	Sở Kế hoạch & Đầu tư Tây Ninh	C300, CMT8, P2, Thành phố TN	20,0	16,0	3,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
13	Sở Tài Chính Tây Ninh	đường 30/4, khu phố 1, phường 1, TPTN	120,0	45,0	6,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
14	Sở Tư pháp Tây Ninh	Số 302, CMT8, P2, Thành phố TN	50,0	30,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
14	Sở Tư pháp Tây Ninh	Số 302, CMT8, P2, Thành phố TN	50,0	30,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
15	Sở GTVT Tây Ninh	Số 129 Đường 30/4, P2, Thành phố TN	120,0	80,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
16	Sở Xây dựng Tây Ninh	Số 314, CMT8, P2, Thành phố TN	120,0	80,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
17	Sở GD&ĐT Tây Ninh	Đ. Nguyễn Chí Thanh, P3, Thành phố TN	80,0	30,0	8,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
18	Sở NN & PT Nông thôn TN	Số 118 Đường Phạm Tung, P3, Thành phố TN	120,0	60,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh	Số 276 Đường 30/4, P3, Thành phố TN	25,0	10,0	3,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
20	Sở Khoa học và Công nghệ TN	Số 211 Đường 30/4, P2, Thành phố TN	50,0	26,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
21	Sở Thông tin và Truyền thông Tây Ninh	Số 6, Đường Trần Quốc Toản, P2, Thành phố TN	120,0	60,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
22	Sở VHTT và Du lịch Tây Ninh	Số 139A Đường 30/4, P2, Thành phố TN	20,0	6,0	3,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
23	Sở Nội vụ Tây Ninh	Số 8, Đường Trần Quốc Toản, P2, Thành phố TN	120,0	80,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
24	Sở Y tế Tây Ninh	Số 37, Đường Lê Lợi, P3, Thành phố TN	60,0	15,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
25	Phòng Hậu cần Công an tỉnh TN	Phạm Văn Xuyên, Khu Phố 2, Phường 3, TPTN	110,0	90,0	20,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
26	Phòng CSGT tỉnh Tây Ninh	6B đường Trường Chinh khu phố 1, phường 3, Th	80,0	50,0	8,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
27	Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH	Số 01, đường Trường Chinh khu phố 1, phường 3, TPTN TPP/05-3B (Trái)	80,0	50,0	7,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
28	Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh	Số 165 Đường 30/4, P1, Thành phố TN	50,0	16,0	5,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
29	Bệnh Viện Phục Hồi Chức Năng Tây Ninh	Khu phố 1, Phường 3, Thành phố TN	20,0	14,0	4,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
30	Sở Lao Động, TB & XH Tây Ninh	Số 132 Trần Hưng Đạo, P1, Thành phố TN	20,0	8,0	3,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 471TN	
31	Phòng QL xuất nhập cảnh - Công an Tây Ninh	Khu phố 3, Phường 1, Thành phố TN	16,0	8,0	3,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 471TN	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
32	Viễn thông Tây Ninh	Số 1, Đường Phạm Công Khiêm, P3, Thành phố TN	100,0	80,0	80,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
33	Tòa Án Nhân Dân Tỉnh Tây Ninh	Đ. Trần Phú- Ninh Trung, Phường Ninh Sơn, TPTN T21/1	476,0	160,0	15,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 477TN	
34	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TN	Đ. Trần Phú- Ninh Trung, Phường Ninh Sơn, TPTN	180,0	100,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 477TN	
35	Công ty Điện lực Tây Ninh	Số 607 đường CMT8, phường 3, Thành phố TN	450,0	180,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
36	Bưu điện tỉnh Tây Ninh	Số 186 Đường 30/4, P3, Thành phố TN	50,0	24,0	15,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
37	Trung Tâm Điều Hành Thông Tin-Viễn Thông TN	186 đường 30/4 khu phố 1, Phường 3, Thành phố TN	280,0	100,0	110,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
38	Viettel Tây Ninh - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	Khu phố Ninh Thọ, Phường Ninh Sơn, Thành Phố TN	40,0	40,0	40,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
39	Nhà máy nước Kênh Tây	Khu phố Ninh Trung, Phường Ninh Sơn, Thành phố TN	360,0	120,0	120,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 478TN	
40	Cty TNHH MTV Cấp Thoát Nước	Khu phố Ninh Trung, Phường Ninh Sơn, Thành phố TN	30,0	24,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 478TN	
41	Đài phát Sóng Quán Tre	Phường Ninh Sơn, Thành phố TN	16,0	16,0	16,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 478TN	
II	**Mức ưu tiên 2:** Việc cấp điện phụ thuộc lượng công suất hoặc sản lượng phân bổ của Điều độ Quốc gia và Tổng Công ty ĐLMN hoặc sẽ tự động sa thải phụ tải khi tần số lưới điện bị sụt giảm dưới định mức (<50Hz) tùy thuộc vào mức độ thiếu công suất.		**7.612,4**	**4.280,9**	**2.759,2**			
	Thành phố Tây Ninh		**1.209,0**	**467,0**	**279,0**			
1	Thành Ủy Tây Ninh	Số 19 Đường Nguyễn Chí Thanh, P3, Thành phố TN	86,0	50,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
2	UBND Thành phố Tây Ninh	Số 209 Đường 30/4, P1, Thành phố TN	120,0	90,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
3	Công an Thành phố Tây Ninh	057 đường Pasteur, Phường 2 TPTN (Trạm CD). Trụ 84/5P/1	30,0	19,0	9,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
4	Công An tỉnh Tây Ninh-Doanh trại Công An Tỉnh	Phạm Văn Xuyên khu phố 6, Phường 3 TPTN	200,0	80,0	80,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
5	Điện lực Thành phố TN	508 đường CMT8, khu phố 3, phường 3, TPTN	57,0	20,0	12,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
6	Đội cao thế Tây Ninh	441 ĐL 30/4 khu phố 1, phường 1, Thành Phố T	38,0	20,0	50,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
7	Trung Tâm Y Tế Thành phố Tây Ninh	49 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Thành phố Tây Ninh	48,0	48,0	48,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 481TN	
8	BCH Quân sự Thành phố Tây Ninh	ấp Bình Trung, xã Bình Minh Thành Phố TN trụ 108	30,0	20,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 473TN	
9	Phòng khám đa khoa tư nhân Tây Ninh (Lê Ngọc Tùng)	500 Khu phố 3 Phường 3 TPTN T41/3B	600,0	120,0	50,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 472TN	
	Huyện Hòa Thành		**1.379,5**	**574,9**	**412,5**			
1	Điện lực Hòa Thành	Ấp Long Hải, Xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành	20,0	15,0	15,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 474TN	
2	BCH Quân sự thị xã Hòa Thành	Ấp Long Hải, Xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành	63,8	31,9	0,2	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 474TN	
3	Công an thị xã Hòa Thành	Lý Thường Kiệt, Khu Phố 4, Thị trấn Hoà Thành, thị xã Hòa Thành	20,0	6,7	6,7	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 482TN	
4	Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng	Khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành	798,0	332,5	199,5	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 482TN	
5	Trung Tâm Y Tế thị xã Hòa Thành	Phạm Hùng, Long Thới, Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành	223,4	74,5	74,5	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 482TN	
6	Kho bạc Nhà nước thị xã Hòa Thành	Đường Lý Thường Kiệt, Khu phố 4, Thị Trấn Hòa Thành, thị xã Hòa Thành	33,3	33,3	33,3	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 482TN	
7	UBND thị xã Hòa Thành	Đường Hùng Vương, khu phố 4, Thị Trấn Hòa Thành	99,8	16,6	49,9	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 482TN	
8	UBND thị xã Hòa Thành	Đường Hùng Vương, khu phố 4, Thị Trấn Hòa Thành	20,0	3,3	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 476TN	
9	Bưu điện thị xã Hòa Thành	Khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành	11,6	3,3	1,7	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 476TN	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
10	Trung tâm Viễn thông thị xã Hòa Thành	Khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành	29,9	10,0	10,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 476TN	
11	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh thị xã Hòa Thành	Khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành	59,9	47,9	12,0	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 476TN	
	Huyện Gò Dầu		**1.579,0**	**991,0**	**785,0**			
1	Huyện Ủy Gò Dầu	KP1, Thị trấn Gò Dầu	22,0	15,0	2,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
2	UBND huyện Gò Dầu	KP Thanh Hà, Thị trấn Gò Dầu	33,0	33,0	1,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
3	BCH Quân sự huyện Gò Dầu	Xã Thanh Phước, Gò Dầu	15,0	15,0	2,0	TBA 110/22kV Phước Đức	Tuyến 471PĐC	
4	Đài Truyền thanh Gò Dầu	KP1, Thị trấn Gò Dầu	5,0	5,0	1,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
5	Công an huyện Gò Dầu	KP1, Thị trấn Gò Dầu	24,0	24,0	2,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
6	Bệnh viện huyện Gò Dầu	KP Rạch Sơn, Thị trấn Gò Dầu	145,0	90,0	80,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
7	Kho bạc Nhà nước huyện Gò Dầu	KP1, Thị trấn Gò Dầu	12,0	12,0	1,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
8	Bưu điện Gò Dầu	KP4- Thị trấn Gò Dầu	40,0	10,0	2,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
9	Trung tâm Viễn thông huyện GD	KP4- Thị trấn Gò Dầu	51,0	30,0	23,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
10	Điện lực Gò Dầu	KP Rạch Sơn, Thị trấn Gò Dầu	22,0	31,0	3,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472TĐ	
11	Phòng Hậu Cần Bộ CH Quân Sự Tỉnh TN (Trung Đoàn 174)	Cẩm Thắng Xã Cẩm Giang. T166B	16,0	16,0	1,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 474 TĐ	
12	Đội K71 BCH Quân Sự Tỉnh Tây Ninh	Cẩm Thắng Xã Cẩm Giang. T166B	9,0	9,0	1,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 474 TĐ	
13	Trạm cấp nước Lò gạch	Trương Vĩnh Ký, Thị trấn GD	15,0	13,0	6,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 477TB	
14	Trạm cấp nước Rạch sơn	KP Rạch Sơn, Thị trấn Gò Dầu	50,0	38,0	10,0	TBA 110/22kV Thạnh Đức	Tuyến 472 TĐ	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
15	Công ty cổ phần đầu tư bệnh viện Xuyên Á	Trâm Vàng Xã Thanh Phước, GD, TN. T151/12	1.120,0	650,0	650,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 477TB	
	Huyện Bến Cầu		**510,7**	**551,0**	**124,2**			
1	Văn phòng Huyện ủy Bến Cầu	Khu phố 1 - TT Bến Cầu - Bến Cầu - Tây Ninh T.102/1P	7,00	5,00	4,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 479BC	
2	UBND huyện Bến Cầu	KP1, Thị trấn Bến Cầu - T.103B/3/2	4,90	1,50	0,67	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 479BC	
3	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Bến Cầu	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T.102	5,00	4,00	2,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 479BC	
4	Trạm cấp nước Bến Cầu	KP1, Thị Trấn BC - T.103B/4/1	25,00	50,00	3,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 479BC	
5	Ban Dân vận Huyện ủy Bến Cầu	Khu phố 1 - TT Bến Cầu - Bến Cầu - Tây Ninh T.103B/4/1/3T	14,00	14,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 479BC	
6	Trạm Kiểm Soát Biên Phòng Phước Chỉ	Ấp Phước Hưng, xã Phước Chỉ T.142/33P/25/12 Tuyến 474BC	0,50	0,50	0,50	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 478BC	
7	Huyện Đội Bến Cầu	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T. 111/2/3T	2,00	1,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
8	Trại Giam Công An Huyện Bến Cầu	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T.104/4/1	36,00	36,00	10,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
9	Công An Huyện Bến Cầu 2	Khu phố 2 - Thị trấn Bến Cầu - Bến Cầu - Tây Ninh T.104/2	5,00	5,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
10	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Bến Cầu	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T.104/1/1	5,00	7,00	2,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
11	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Bến Cầu	KP1, Thị trấn Bến Cầu - T.92B/2	10,00	5,00	6,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
12	Trung tâm y tế huyện Bến Cầu	Thuận Tây - Lợi Thuận - T.407/7	50,00	50,00	5,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
13	Kho bạc Nhà nước huyện Bến Cầu	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T.111/2/1/8T	3,00	5,00	2,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
14	Bưu điện huyện Bến Cầu	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T. 104/1/1	4,00	2,00	2,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
15	Trung tâm Viễn thông huyện Bến Cầu	KP2, Thị trấn Bến Cầu	83,00	15,00	24,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
16	BCH Quân Sự Huyện Bến Cầu	Ấp Bàu Tép - Tiên Thuận - Bến Cầu - Tây Ninh T.104/1/51	8,00	5,00	8,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
17	Trạm Kiểm Soát Biên Phòng Long Thuận	Long Hưng - Long Thuận - Bến Cầu - Tây Ninh T347/7/86	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
18	Chốt biên phòng Long Cường	Ấp Long Cường Trụ 320/14/25/67/1P	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
19	Đồn Biên Phòng 847	Long Trung - Long Phước - Bến Cầu - Tây Ninh T.307/144B (TT)	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
20	Điện lực Bến Cầu (Văn phòng làm việc 1)	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T. 104/13C/1	10,00	10,00	3,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
21	Điện Lực Bến Cầu (Văn phòng làm việc 2)	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T. 104/1/11	20,00	20,00	10,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
22	Điện lực Bến Cầu (Văn phòng Đội QLVH)	KP2, Thị trấn Bến Cầu - T. 104/13	4,29	5,00	3,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
23	Đồn Biên Phòng Long Phước	Phước Trung - Long Phước - Bến Cầu - Tây Ninh T234/147B	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 476BC	
24	Trạm KS Đồn Biên Phòng CK Mộc Bài	Ấp Thuận Tây - xã Lợi Thuận Trụ 45/21/1/3	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
25	Đồn Biên Phòng CKQT Mộc Bài	Ấp Thuận Tây - Lợi Thuận - Bến Cầu - Tây Ninh Trụ 45/26	46,00	15,00	7,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
26	Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài	Ấp Thuận Tây T.45/22	20,00	27,00	5,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
27	Cục Hải Quan Tỉnh Tây Ninh	Thuận Tây - Lợi Thuận - Bến Cầu - Tây Ninh T.45/19B/1	100,00	200,00	10,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
28	Bộ Chỉ Huy Bộ Đội Biên Phòng Tỉnh Tây Ninh	Thuận Tây - Lợi Thuận - Bến Cầu - Tây Ninh T.45/18A/1	30,00	50,00	5,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
29	Công An huyện Bến Cầu	Ấp Thuận Tây - xã Lợi Thuận - Bến Cầu - Tây Ninh T.45/1	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
30	Đội PCCC Đồn CA Cửa Khẩu Mộc Bài	Thuận Tây - Lợi Thuận - T45/3/1	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
31	Cục phòng chống tội phạm ma túy - Bộ Đội Biên Phòng	Thuận Tây - Lợi Thuận - Bến Cầu - Tây Ninh - Trụ 45/3/1	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 475BC	
32	Đồn Biên Phòng	Ấp Thuận Tây Trụ 45/12/1	2,00	2,00	1,00	TBA 110/22kV Bến Cầu	Tuyến 473BC	
	Huyện Trảng Bàng		**680,0**	**453,0**	**411,0**			
1	Thi Ủy, UBND thị xã Trảng Bàng	KP Lộc An, phường Trảng Bàng	70,0	58,0	4,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
2	BCH Quân sự thị xã Trảng Bàng	KP Lộc An, phường Trảng Bàng	29,0	20,0	5,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 471 TB	
3	TT Văn hóa và Truyền thanh thị xã Trảng Bàng	KP Lộc Thành, phường Trảng Bàng	8,0	6,0	2,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
4	Công an thị xã Trảng Bàng	KP Lộc An, phường Trảng Bàng	35,0	18,0	6,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
5	Trung tâm y tế thị xã Trảng Bàng	KP Lộc An, phường Trảng Bàng	83,0	60,0	33,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
6	Kho bạc Nhà nước	KP Lộc An, phường Trảng Bàng	16,0	9,0	3,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
7	Trạm cấp nước khu VH Trảng Bàng	Ql 22, phường Trảng Bàng. T.33	8,0	3,0	3,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
8	Trạm cấp nước giếng mạch Trảng Bàng	Đ. Nguyễn Văn Kiên, phường Trảng Bàng	7,0	4,0	4,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
9	BƯU ĐIỆN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG - BƯU ĐIỆN TỈNH TÂY NINH	Số 146, quốc lộ 22, Phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	15,0	7,0	3,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
10	TRUNG TÂM VIỄN THÔNG TRẢNG BÀNG-VIỄN THÔNG TÂY NINH	Số 146, Quốc lộ 22, Khu phố Lộc Du, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (T.24/1)	13,0	6,0	3,0	TBA 110/22kV Trảng Bàng	Tuyến 475 TB	
11	Điện lực Trảng Bàng	Đường số 12, KCN Trảng Bàng, KP An Bình, P An Tịnh, TX Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	35,0	9,0	6,0	TBA 110/22kV KCN Trảng Bàng	Tuyến 475KCNTB	
12	Trạm cấp nước KCN Trảng Bàng	Đường số 7 KCN TB, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng T.7B/1	114,0	60,0	94,0	TBA 110/22kV KCN Trảng Bàng	Tuyến 474KCNTB	
13	Cty Cổ Phần Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh (Trạm cấp nước)	Đường số 12 KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, T Tây Ninh, Việt Nam	18,0	11,0	17,0	TBA 110/22kV KCN Trảng Bàng	Tuyến 473KCNTB	
14	Cty Cổ phần Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh (Trạm cấp nước)	Đường số 12 KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, T Tây Ninh, Việt Nam	73,0	59,0	72,0	TBA 110/22kV KCN Trảng Bàng	Tuyến 478KCNTB	
15	Cty Cổ phần Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh (Trạm cấp nước)	Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, T Tây Ninh, Việt Nam	52,0	41,0	52,0	TBA 110/22kV KCN Trảng Bàng	Tuyến 475KCNTB	
16	Cty Cổ phần Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh (Trạm cấp nước)	Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, T Tây Ninh, Việt Nam	52,0	41,0	52,0	TBA 110/22kV KCN Trảng Bàng	Tuyến 477KCNTB	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
17	Cty Cổ phần Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh (Trạm cấp nước)	Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, T Tây Ninh, Việt Nam	52,0	41,0	52,0	TBA 110/22kV KCN Trảng Bàng	Tuyến 475KCNTB	
	Huyện Tân Châu		**123,2**	**98,0**	**69,5**			
1	Công An Huyện Tân Châu	Khu Phố 4, Thị trấn Tân Châu, Tân Châu, TN T.44A/2/2	8,7	7,4	5,2	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
2	Cục tác chiến điện tử - Bộ tổng tham mưu	Tân Châu, Tân Phú, Tân Châu, TN T.121/60/9/2/1	3,0	2,9	2,7	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
3	Đài Truyền Thanh Tân Châu	Khu Phố 3, Thị Trấn Tân Châu, Tân Châu, TN T.30B/2	1,5	1,0	0,5	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
4	Huyện Đội Tân Châu	Thạnh Hòa, Thạnh Đông, Tân Châu, Tây Ninh T.40	5,1	3,0	1,0	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
5	Kho Bạc Nhà Nước Tân Châu	Khu Phố 1, Thị Trấn Tân Châu, Tân Châu, TN T.8C	3,7	2,0	1,0	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
6	Trung tâm Huấn luyện và Bồi dưỡng Nghiệp vụ Công An Tây Ninh	Tân Tây, Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh T.166/5	1,5	1,3	1,4	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
7	Trung Tâm Y Tế Huyện Tân Châu	Khu Phố 4, Thị trấn Tân Châu, Tân Châu, TN T.63/2	40,5	36,1	25,6	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
8	Bưu điện huyện Tân Châu	Khu Phố 2, Thị trấn Tân Châu, Tân Châu, Tây Ninh T.7/1	2,7	1,7	2,2	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT472TH	
9	Đồn BP Tống Lê Chân - Bộ chỉ huy bộ đội BP tỉnh Tây Ninh	Cây Cầy, Tân Hòa, Tân Châu, Tây Ninh T.173/212/10/117A	2,2	2,7	1,7	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT472TH	
10	Tiểu đoàn D14	Tân Xuân, Tân Phú, Tân Châu, TN T.121/60	12,6	9,3	11,1	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT472TH	
11	Tiểu đoàn huấn luyện bộ đội D19	Tân Tây, Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh T.166/2	3,8	3,7	3,4	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT472TH	
12	Văn phòng UBND huyện Tân Châu	Khu Phố 3, Thị Trấn Tân Châu, Tân Châu, TN T.30	13,0	9,8	2,5	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT471TH	
13	Trại giam quân sự khu vực Miền Nam	Đông Hiệp, Tân Đông, Tân Châu, Tây Ninh T.177/2	9,6	8,4	6,5	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT478TH	
14	Điện lực Tân Châu	151 Lê Duẩn Khu Phố 4, Thị trấn Tân Châu, Tân Châu, TN T.42/1	1,8	1,5	1,7	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT480TH	
15	Điện lực Tân Châu	151 Lê Duẩn, Khu phố 4, Thị trấn Tân Châu, Tân Châu, TN T.4A	13,5	7,2	3,0	TBA 110/22kV Tân Hưng	XT480TH	
	Huyện Tân Biên		**1.343,0**	**690,0**	**359,0**			
1	Văn phòng Huyện ủy Tân Biên	KP2, Thị trấn Tân Biên	167,0	110,0	57,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 474TBI	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
2	UBND huyện Tân Biên	KP7, Thị trấn Tân Biên	110,0	54,0	30,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 474TBI	
3	BCH Quân sự huyện Tân Biên	KP1, Thị trấn Tân Biên	48,0	13,0	12,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 473TBI	
4	Trung tâm Y tế huyện Tân Biên	KP1, Thị trấn Tân Biên	628,0	370,0	159,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 473TBI	
5	Bưu điện huyện Tân Biên	KP2, Thị trấn Tân Biên	42,0	11,0	12,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 473TBI	
6	Trung tâm Viễn thông Tân Biên - VTTN	KP2, Thị trấn Tân Biên	28,0	23,0	13,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 473TBI	
7	Đài Phát thanh huyện Tân Biên	KP7, Thị trấn Tân Biên	26,0	11,0	12,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 474TBI	
8	Công an huyện Tân Biên	KP7, Thị trấn Tân Biên	130,0	17,0	15,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 474TBI	
9	Kho bạc Nhà nước huyện Tân Biên	KP3, Thị trấn Tân Biên	86,0	65,0	39,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 475TBI	
10	Điện lực Tân Biên	KP7, Thị trấn Tân Biên	78,0	16,0	10,0	TBA 110/22kV Tân Biên	Tuyến 474TBI	
	Huyện Châu Thành		**522,0**	**292,0**	**218,0**			
1	Huyện Ủy huyện Châu Thành	Khu Phố 3, Thị trấn Châu Thành	19,0	8,0	3,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 474 Suối Dộp	
2	UBND huyện Châu Thành	Khu Phố 3, Thị trấn Châu Thành	25,0	8,0	3,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 474 Suối Dộp	
3	Sư đoàn bộ binh 5	Xã Thái Bình, huyện Châu Thành	200,0	120,0	100,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 476 Suối Dộp	
4	BCH Quân sự huyện Châu Thành	Khu Phố 4, Thị trấn Châu Thành	16,0	6,0	2,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
5	Công an huyện Châu Thành	Khu Phố 3, Thị trấn Châu Thành	26,0	13,0	5,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
6	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Châu Thành	Khu Phố 1, Thị trấn Châu Thành	3,0	2,0	2,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
7	Trung Tâm Y Tế Châu Thành	Khu Phố 1, Thị trấn Châu Thành	49,0	49,0	28,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
8	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi	Xã Thái Bình, huyện Châu Thành	39,0	20,0	12,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 472 Suối Dộp	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
9	Kho bạc Nhà nước Châu Thành	Khu Phố 1, Thị trấn Châu Thành	11,0	3,0	2,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 474 Suối Dộp	
10	Bưu điện Châu Thành	Khu Phố 1, Thị trấn Châu Thành	11,0	6,0	3,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 474 Suối Dộp	
11	Trụng tâm Viễn thông huyện Châu Thành	Khu Phố 1, Thị trấn Châu Thành	29,0	16,0	20,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 474 Suối Dộp	
12	Điện lực Châu Thành	Khu Phố 1, Thị trấn Châu Thành	17,0	11,0	5,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
13	Điện lực Châu Thành - Đội Quản lý tổng hợp	Xã Phước Vinh, huyện Châu Thành	7,0	5,0	2,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 478 Suối Dộp	
14	Đồn Biên Phòng Vàm Trảng Trâu	Xã Biên Giới, huyện Châu Thành	5,0	2,0	2,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
15	Đồn Biên Phòng Ninh Điền (845)	Xã Ninh Điền, huyện Châu Thành	6,0	2,0	3,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 477 Suối Dộp	
16	Đồn Biên Phòng Phước Tân (843)	Xã Thành Long, huyện Châu Thành	4,0	2,0	2,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
17	Cửa Khẩu Phước Tân	Xã Thành Long, huyện Châu Thành	3,0	2,0	2,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 473 Suối Dộp	
18	Trại Tạm giam Công an Tỉnh Tây Ninh	Xã An Bình, huyện Châu Thành	52,0	17,0	22,0	TBA 110/22kV Suối Dộp	Tuyến 476 Suối Dộp	
	Huyện Dương Minh Châu		**266,0**	**164,0**	**101,0**			
1	Huyện Ủy Dương Minh Châu	KP 2, Thị trấn DMC, Huyện DMC	20	17	12	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
2	Ủy Ban Nhân Dân Huyện DMC	KP1, Thị trấn DMC, Huyện DMC	25	20	10	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
3	BCH Quân sự huyện DMC	KP3, Thị trấn DMC, Huyện DMC	10	6	4	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
4	Huyện đội DMC	KP3, Thị trấn DMC, Huyện DMC	30	25	20	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
5	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền *Thanh Huyện Dương Minh Châu*	KP2, TT DMC, DMC, TN, Trụ 273/5	4	3	2	TBA 110/22kV *Hòa Thành*	Tuyến 477 HT	
6	Công An Huyện DMC	KP2, TT DMC, DMC, TN, Trụ 274/2	18	10	8	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
7	Trung Tâm Y Tế DMC	KP4, TT DMC, DMC, TN. T 285/1	34	12	10	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	

Số TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	Công suất sử dụng (kW)			Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện	Ghi chú
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm			
8	Kho Bạc Nhà Nước DMC	KP1, thị trấn DMC, DMC, TN, Trụ 267	11	8	6	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
9	Bưu Điện Dương Minh Châu	Khu phố 1, Thị Trấn, DMC, TN, Trụ 265/1	44	23	4	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
10	TT Viễn thông Dương Minh Châu	KP1, TT Dương M Châu, Huyện DMC	36	13	16	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
11	Tòa án Nhân Dân huyện DMC	Khu phố 4, Thị trấn DMC, Huyện DMC, TN. Trụ 280	24	20	5	TBA 110/22kV Hòa Thành	Tuyến 477 HT	
12	Điện lực Dương Minh Châu	Ấp Tân Định 2, Suối Đá, DMC, TN	10	7	4	TBA 110/22kV Tây Ninh	Tuyến 471 HT	

Ghi chú:

- Đối với với các khu vực có tổ chức các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng như Lễ, Tết, các kỳ thi tốt nghiệp...sẽ thực hiện ưu tiên cấp điện.

- Đối với khách hàng sử dụng điện thắp sáng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ khác sẽ cắt tiết giảm điện luân phiên theo ý kiến thống nhất của UBND tỉnh, nhằm đảm bảo sản lượng điện phân bổ hàng ngày của Tổng công ty Điện lực miền Nam.

SỞ CÔNG THƯƠNG TÂY NINH
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH TÂY NINH

Lê Anh Tuấn

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH

Đỗ Anh Dũng